

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37 /2024/HS-ST

Ngày: 10 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Mên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Vĩnh Nam và ông Ma Vĩnh Thủy;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Lục Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024, đối với **bị cáo:**

Nguyễn Minh D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/01/1977 tại T, Hà Nội; nơi thường trú: Xóm B T, xã T, T, Hà Nội; nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Số nhà A, ngõ B, đường X, phường X, T, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị C; có vợ là Vũ Thị T1 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q từ ngày 19/3/2024 đến ngày 29/3/2024; được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Nông Thị P, sinh năm 1960; có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố E, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/01/2021, Công an huyện Q tiếp nhận đơn trình báo của bà Nông Thị P, trú tại tổ dân phố E, thị trấn H, Q, Cao Bằng về việc: Khoảng thời gian từ tháng

6/2019 đến tháng 9/2019 bà P bị Nguyễn Minh D lừa đảo chiếm đoạt số tiền 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Quá trình điều tra làm rõ: Năm 2002 gia đình bà Nông Thị P có tranh chấp đất đai với trường Trung học cơ sở P1. Qua nhiều lần khiếu kiện thấy sự việc chưa được giải quyết thỏa đáng, nên ngày 29/5/2018 bà P đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần T2 (địa chỉ: Số H, tầng B, tòa nhà V lô E P, phường T, quận C, thành phố Hà Nội) để làm phóng sự về việc tranh chấp đất đai; theo Hợp đồng bà P trả 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) cho việc ghi hình, sản xuất và phát sóng phóng sự với thời lượng từ 03 đến 05 phút để phát trên chuyên mục Tin nóng 24h của Truyền hình pháp luật Online. Thực hiện Hợp đồng, Công ty Cổ phần T2 cử nhóm phóng viên gồm 3 người trong đó có Nguyễn Minh D, trú tại thôn T, T, T, Hà Nội đến tỉnh Cao Bằng gặp bà P để làm phóng sự. Sau khi phóng sự được phát sóng, nhưng sự việc vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng theo ý nguyện của bà P.

Thấy bà P nhẹ dạ cả tin nên Nguyễn Minh D đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà P. Cụ thể, tháng 6/2019 (thời điểm đó D đang làm phóng viên báo Công lý) đã sử dụng điện thoại có số thuê bao 0929.095.343 gọi điện cho bà P (số thuê bao 0367.976.618) đưa ra thông tin là có thể nhờ các cơ quan báo chí phản ánh, tạo áp lực về phía chính quyền địa phương để giúp chị P được đền bù thỏa đáng, nhưng phải mất một khoản tiền lớn để chạy cửa và hứa hẹn sẽ giải quyết xong trong quý I năm 2020. Bà P đồng ý với đề nghị của D. Từ ngày 06/6/2019 đến ngày 06/9/2019, D nhiều lần gọi điện thoại đề nghị bà P chuyển tiền; bà P đã 10 lần chuyển khoản vào số tài khoản 0441000617993 của D với tổng số tiền 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, D không dùng để lo việc như đã hứa mà tiêu sài cá nhân hết số tiền của bà P. Hết quý I năm 2020, thấy sự việc không được giải quyết bà P gọi điện thoại yêu cầu D không làm nữa và hoàn trả lại số tiền nêu trên. D hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả lại tiền cho bà P. Sau đó bà P không liên lạc được với D, lần cuối bà P liên lạc được với D là ngày 21/10/2020.

Tại công văn số 359 ngày 23/3/2022 của Ngân hàng TMCP N chi nhánh T3: Thông tin chủ tài khoản số 0441000617993, họ tên: Nguyễn Minh D, ngày sinh 27/01/1977; căn cước công dân số 001077019342 do Cục Cảnh sát cấp ngày 07/5/2018; địa chỉ thường trú: T, T, T, Hà Nội. Tài khoản mở tại V - Chi nhánh T3, địa chỉ A T, phường T, Quận T, TP .. Sao kê tài khoản từ ngày 01/6/2019 đến 31/12/2020 có đầy đủ các lần D nhận tiền từ bà P, cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/06/2019, số tiền 10.000.000,đ (Mười triệu đồng)

Lần 2: Ngày 20/6/2019, số tiền 10.000.000,đ (Mười triệu đồng)

Lần 3: Ngày 02/7/2019, số tiền 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng)

Lần 4: Ngày 23/7/2019, số tiền 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng)

Lần 5: Ngày 14/8/2019, số tiền 6.000.000,đ (Sáu triệu đồng)

Lần 6: Ngày 19/8/2019, số tiền 40.000.000,đ (Bốn mươi triệu đồng)

Lần 7: Ngày 20/8/2019, số tiền 10.000.000,đ (Mười triệu đồng)

Lần 8: Ngày 28/8/2019, số tiền 35.000.000,đ (Ba mươi năm triệu đồng)

Lần 9: Ngày 28/8/2019, số tiền 40.000.000,đ (Bốn mươi triệu đồng)

Lần 10: Ngày 06/9/2019, số tiền 25.000.000,đ (Hai mươi năm triệu đồng)

Tổng cộng số tiền là 256.000.000,đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Tại công văn của Công ty Cổ phần V1 cho biết: Thông tin chủ thuê bao 0929095343 là Nguyễn Minh D; sinh ngày 27/01/1977; số CMND 001077019342, nơi cấp: Cục Cảnh sát, ngày cấp: 07/5/2018; địa chỉ: Thôn T, T, T, Hà Nội; Trạng thái: đang hoạt động.

Ngày 04/01/2019, Nông Thị P nộp 10 bản phô tô giấy nộp tiền của Ngân hàng N1 và 01 đĩa DVD ghi âm cuộc gọi của P với Nguyễn Minh D (kèm hồ sơ vụ án). Nay bị hại Nông Thị P yêu cầu Nguyễn Minh D phải bồi thường số tiền 256.000.000,đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSQH ngày 29/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nguyễn Minh D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận diễn biến sự việc xảy ra đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại P khai tại phiên tòa, được chuyển 10 lần tiền vào tài khoản của bị cáo với tổng số tiền là 256.000.000đ để nhờ bị cáo giúp về việc tranh chấp đất, nhưng D đã không thực hiện mà đã cắt liên lạc điện thoại với bị hại. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền trên; về hình phạt, đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như Cáo trạng. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D từ 7 đến 8 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Minh D phải bồi thường số tiền 256.000.000 đồng cho bị hại Nông Thị P; do bị cáo đang bị bệnh suy thận giai đoạn 5, nên đề nghị không phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tranh luận: Bị cáo phạm tội lần đầu, đối với số tiền đã nhận của bị hại thì giữa bị cáo và bị hại thỏa thuận là bị hại gửi 180 triệu để lo việc cho bị hại, còn 85 triệu là lộ phí cho bị cáo đi lại lo việc, nên bị cáo chỉ phạm tội với mức tiền là

180 triệu chứ không phải số tiền như Cáo trạng, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến đối đáp của đại diện viện kiểm sát: Cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh được bị cáo đã chiếm đoạt tiền của bị hại với tổng số tiền là 256.000.000 đồng; do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã chiếm đoạt nêu trên. Đối với đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, theo Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự, khi xử phạt tù không quá 3 năm thì bị cáo mới được xem xét cho hưởng án treo; còn hành vi của bị cáo D chiếm đoạt tiền của bị hại đã thuộc điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự với khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù; nên đại diện viện kiểm sát không chấp nhận đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại không có ý kiến trong phần tranh luận. Tại lời nói sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019, bị cáo Nguyễn Minh D đưa ra thông tin gian dối về việc có thể nhờ cơ quan báo chí phản ánh, tạo áp lực về phía chính quyền địa phương để giúp bị hại được đền bù thỏa đáng đối với mảnh đất của gia đình bà P đang tranh chấp với trường Trung học cơ sở P1. Do tin tưởng nên khi bị cáo D gọi điện thoại yêu cầu chuyển tiền, bị hại Nông Thị P đã 10 lần chuyển tiền vào số tài khoản 0441000617993 của Nguyễn Minh D với tổng số tiền là 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng). Sau khi nhận được tiền từ bị hại P, bị cáo không dùng để lo việc mà đã chiếm đoạt số tiền trên để tiêu sài hết vào mục đích cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Minh D đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Q, Cao Bằng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp

luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án; nhưng để thoả mãn nhu cầu cá nhân nên đã đưa ra những thông tin gian dối không có thật để lừa dối làm cho bị hại tin tưởng rồi chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và ở phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; có bố là ông Nguyễn Văn T được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, sau khi xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy để ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tại phần tranh luận bị cáo cho rằng chỉ phạm tội lừa đảo với mức tiền là 180 triệu (không bao gồm tiền bị hại gửi để làm lộ phí đi lại); xét thấy Cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh được bị cáo đã chiếm đoạt tiền của bị hại với tổng số tiền là 256.000.000 đồng; do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã chiếm đoạt nêu trên. Đối với đề nghị của bị cáo tại phiên tòa là xin được hưởng án treo; xét thấy, tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự quy định, khi xử phạt tù không quá 3 năm thì bị cáo mới được xem xét cho hưởng án treo; còn hành vi của bị cáo D chiếm đoạt tiền của bị hại thuộc điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự với khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù; nên Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo đang bị bệnh suy thận giai đoạn 5, nên Hội đồng xét xử không phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Minh D phải bồi thường cho bị hại Nông Thị P số tiền 256.000.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) là số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Quảng Hòa tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo cũng như các vấn đề khác liên quan trong vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/3/2024 đến ngày 29/3/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Minh D phải bồi thường số tiền 256.000.000,đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) cho bị hại Nông Thị P, trú tại tổ dân phố E, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Minh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 12.800.000đ; tổng cộng số tiền án phí bị cáo phải nộp ngân sách Nhà nước là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKS tỉnh, huyện;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Công an huyện;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cơ quan THA hình sự;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: An văn, THA hình sự và HS.

Phùng Thị Mến